

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2019

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tự Tín

2. Ông Nguyễn Văn Khoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 233/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2020, về vụ “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1954 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TG, xã ĐP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Nguyễn Công H là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị M, sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TG, xã ĐP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Huỳnh Dũng T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp DD, xã NLP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Đoàn Văn H trình bày: Ông và bà Võ Thị M do quen biết tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ*

cưới năm 1978 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại ấp TG, xã ĐP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau. Đến năm 2013, ông đã cất nhà ra ở riêng, không còn sống chung với bà M nên vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay.

Nay ông H nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn bà Võ Thị M.

*Về con chung:* Năm người là Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm 1981, Đoàn Thị Hồng P, sinh năm 1983, Đoàn Thị Mỹ T, sinh năm 1985, Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1987 và Đoàn Thị Hoa P, sinh năm 1989; hiện các con chung đã thành niên, có sức khỏe, có việc làm ổn định và đã có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Ông với bà M tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Quá trình chung sống, ông và bà M không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ riêng:* Trước đây, ông có nợ của anh Huỳnh Dũng T số tiền 320.000.000 đồng và đã được Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết xong bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sau khi thỏa thuận, ông đang thực hiện và đã trả cho anh T số tiền 110.000.000 đồng, còn nợ lại 210.000.000 đồng. Đối với khoản nợ này ông sẽ được tiếp tục trả cho anh T theo Quyết định của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M và anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt trong các phiên họp. Tuy nhiên, Tòa án có tiến hành thu thập lời khai của bà M và anh T cụ thể như sau:

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2020 bà Võ Thị M có lời trình bày:* Bà với ông Đoàn Văn H do tự quen biết, tìm hiểu nhau tiến tới hôn nhân cách đây khoảng 50 năm, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H không chung thủy, nói bà không sinh được con trai nên quen biết và sống chung với những người phụ nữ khác ở bên ngoài để có con trai. Bà khuyên can nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi. Hiện nay, ông H đang sống chung với một người phụ nữ khác. Do bà và ông H sống ly thân đã nhiều năm, bà xác định bà và ông H không thể tiếp tục duy trì hôn nhân, hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được nữa. Nay bà thống nhất ly hôn với ông Đoàn Văn H.

*Về con chung:* Bà và ông H có 05 người con chung là Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm 1981, Đoàn Thị Hồng P, sinh năm 1983, Đoàn Thị Mỹ T, sinh năm 1985, Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1987 và Đoàn Thị Hoa P, sinh năm 1989; hiện các con

chung đã thành niên, có sức khỏe, có việc làm ổn định và đã lập gia đình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Bà và ông H tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Thời gian bà và ông H sống chung thì vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng. Tuy nhiên, ông H có nợ riêng của ai hay không thì bà không biết.

*Tại bản tự khai anh Huỳnh Dũng T có lời trình bày:* Trước đây ông Đoàn Văn H có mua thức ăn chăn nuôi của anh còn nợ lại số tiền 319.178.000 đồng. Tuy nhiên, ông H đã trả dần đến nay còn nợ lại số tiền 210.000.000 đồng. Đối với khoản nợ này đã được Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2017/QĐST-DS, ngày 04/10/2017. Vì vậy, nay ông H và bà M ly hôn anh không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án hôn nhân này.

Tại phiên tòa, bà M và anh T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Do mâu thuẫn giữa ông H và bà M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nữa vì ông, bà đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ông H được ly hôn bà M. Về con chung đã thành niên đề nghị không xem xét; về tài sản chung do ông H và bà M tự thỏa thuận; về nợ chung ông H và bà M khai không có nên đề nghị không xem xét; về khoản nợ của anh T là nợ riêng của ông H và được Tòa án giải quyết xong nên ông H sẽ tiếp tục thực hiện trách nhiệm trả nợ cho anh T; về án phí do ông H là người cao tuổi và là người có công với cách mạng có đơn xin miễn án phí đề nghị cho ông H miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bà M, anh T chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa, bà M anh T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông H. Cho ông H được ly hôn bà M. Về con chung đã thành niên; về tài sản chung do ông H và bà M tự thỏa thuận; về nợ chung do ông H và bà M khai không có; về khoản nợ

của anh T là nợ riêng của ông H và được Tòa án giải quyết xong nên đề nghị không xem xét. Về án phí do ông H là người cao tuổi và là người có công với cách mạng có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí hôn nhân sơ thẩm cho ông H theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Đoàn Văn H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị M có nơi cư trú tại ấp TG, xã ĐP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] Bà Võ Thị M và anh Huỳnh Dũng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bà M và anh T.

[3] *Về hôn nhân:* Ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị M tự nguyện kết hôn vào năm 1978, hôn nhân của ông H và bà M được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 66; đăng ký ngày 01 tháng 01 năm 1978. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của ông H và bà M là hợp pháp.

[4] Thời gian ông H và bà M chung sống hạnh phúc trên 32 năm. Đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng và thường xuyên cự cãi nhau, ông H không chung thủy, do bà M không sinh được con trai nên ông quen biết và sống chung với người phụ nữ khác để có con trai. Bà M khuyên can nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc nên kể từ năm 2013 ông H và bà M đã ly thân mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà M và yêu cầu được ly hôn với bà M, bà M cũng xác định không thể tiếp tục duy trì hôn nhân với ông H nên thống nhất ly hôn với ông H.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa ông H và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...*” Nhưng khi mâu thuẫn xảy ra ông H và bà M không tìm giải pháp khắc phục mà ly thân mỗi

người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó, nay ông H xin ly hôn với bà M, bà M vắng mặt tại Tòa nhưng có lời khai thống nhất ly hôn với ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] *Về con chung*: Ông H và bà M khai ông, bà có 05 người con chung là Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm 1981, Đoàn Thị Hồng P, sinh năm 1983, Đoàn Thị Mỹ T, sinh năm 1985, Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1987 và Đoàn Thị Hoa P, sinh năm 1989. Hiện những người con chung đều có sức khỏe, đã kết hôn và có việc làm ổn định để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của ông H và bà M.

[7] *Về tài sản chung*: Ông H và bà M không tranh chấp, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] *Về nợ chung*: Ông H và bà M khai không có, Hội đồng xét xử không xét. Đối với khoản nợ của anh Huỳnh Dũng T đã được Tòa án giải quyết xong nên ông H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2017/QĐST-DS, ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[9] *Về án phí*: Ông H là nguyên đơn khởi kiện nên có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm. Tuy nhiên ông H là người cao tuổi và là người có công với cách mạng, có đơn xin miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 27, 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Đoàn Văn H.

*Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đoàn Văn H được ly hôn bà Võ Thị M.

*Về con chung*: Con chung của ông H, bà M hiện đã thành niên, đều có sức khỏe, đã kết hôn và có việc làm ổn định để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của

ông H và bà M.

*Về tài sản chung:* Ông H và bà M không tranh chấp, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*Về nợ chung:* Ông H và bà M khai không có, Hội đồng xét xử không xét. Đối với khoản nợ của anh Huỳnh Dũng T đã được Tòa án giải quyết xong nên ông H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2017/QĐST-DS, ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

*Về án phí:* Ông Đoàn Văn H được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/ 0000276 ngày 21/7/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

*Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà M và anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Đại Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký và đóng dấu)**

**Nguyễn Thị Trang**